

CÔNG TY TNHH PANDAN DELI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PANDAN DELI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PANDAN DELI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110194245

3. Ngày thành lập: 29/11/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 122 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 094.338.3338

Fax:

Email: pandandeli2014@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632(Chính)
5.	Bán buôn đồ uống (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh rượu và pháp luật khác có liên quan)	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649

7.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
8.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
9.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh rượu, thuốc lá và pháp luật khác có liên quan)	4711
10.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh rượu và pháp luật khác có liên quan)	4723
14.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
15.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột Chi tiết: - Sản xuất tinh bột từ gạo, khoai tây, ngô... - Sản xuất bột ngô ướt; - Sản xuất đường glucô, mật ong nhân tạo, inulin...	1062
16.	Sản xuất các loại bánh từ bột Chi tiết: - Sản xuất bánh ngọt khô hoặc làm lạnh, bánh tươi; - Sản xuất bánh mỳ dạng ổ bánh mỳ; - Sản xuất bánh nướng, bánh ngọt, bánh pate, bánh nhân hoa quả...	1071
17.	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất mật đường	1072
18.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo Chi tiết: - Sản xuất ca cao, dầu ca cao, bơ ca cao, mỡ cacao - Sản xuất sôcôla và kẹo sôcôla; - Sản xuất kẹo: kẹo cứng, sôcôla trắng, kẹo cao su, kẹo nu ga, kẹo mềm;	1073

19.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự Chi tiết: Sản xuất mì như mì ống, mì sợi kể cả đã được nấu, nhồi hoặc chưa	1074
20.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
21.	Sản xuất chè Chi tiết: Sản xuất chiết xuất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm	1076
22.	Sản xuất cà phê Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hoà tan, cà phê pha phin, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc	1077
23.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (trừ nhà nước cấm)	1079
24.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
25.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về sản xuất rượu và pháp luật khác có liên quan)	1101
26.	Sản xuất rượu vang (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về sản xuất rượu và pháp luật khác có liên quan)	1102
27.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về sản xuất rượu và pháp luật khác có liên quan)	1103
28.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
29.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ (Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về kinh doanh rượu, thuốc lá và pháp luật khác có liên quan)	4781
31.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
32.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
33.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
34.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
36.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799

37.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
40.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
41.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
42.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
43.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
44.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4764
45.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
46.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế)	4772
47.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh các loại vàng, tiền, kim khí và các hàng hóa nhà nước cấm)	4773
48.	(đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	LÊ THU TRANG	Việt Nam	Số 5 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.800.000.000	90,000	001187040427	
2	CHU THỊ KIM DUNG	Việt Nam	Số 5 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	200.000.000	10,000	001163004738	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ THU TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/02/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001187040427

Ngày cấp: 23/08/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 5 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 5 Hàng Buồm, Phường Hàng Buồm, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội